

Số: 16 /GPMT-UBND

Thủ Dầu Một, ngày 25 tháng 4 năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 5389/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của UBND thành phố Thủ Dầu Một về việc kiện toàn tổ thẩm định, kiểm tra cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án/cơ sở thuộc thẩm quyền cấp phép môi trường của UBND thành phố Thủ Dầu Một.

Xét văn bản số 237/2024/CV/IDC-TTMT ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Tổng Công ty Đầu tư & Phát triển Công nghiệp – CTCP về việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện báo cáo đề xuất đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án “Phòng khám đa khoa Hòa Lợi (quy mô 80 giường)”.

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thủ Dầu Một tại Tờ trình số 170 /TTr-TNMT ngày 11 tháng 4 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP, địa chỉ tầng 9, Tòa nhà WTC Tower, số 1 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Phòng khám đa khoa Hòa Lợi (quy mô 80 giường)” với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án**

- Tên dự án: Phòng khám đa khoa Hòa Lợi (quy mô 80 giường).
- Địa điểm hoạt động: Lô TM4, Khu tái định cư Hòa Lợi, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 3700145020, chứng nhận lần đầu ngày 03/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 22/11/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.
- Mã số thuế: 3700145020.



1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Công trình dân dụng - công trình y tế.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án có tiêu chí môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công). Tổng vốn đầu tư: 19.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười chín tỷ đồng)

- Số giường bệnh: 80 giường.

- Số nhân viên y tế: 60 người.

Tổng diện tích dự án: 15.830 m<sup>2</sup>. Cụ thể:

STT	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ sử dụng đất (%)
<b>I</b>	<b>Đất thuộc diện tích quy hoạch dự án</b>		
1	<b>Đất xây dựng công trình</b>	<b>5.504,3</b>	<b>34,77</b>
1.1	Khu khám bệnh	1.231	7,54
1.2	Khu cấp cứu	2.434	14,91
1.3	Sân khám cộng đồng	452,3	2,77
1.4	Khu dịch vụ	259	1,59
1.5	Diện tích sảnh, hành lang xung quanh công trình	768	4,7
1.6	Nhà nghỉ nhân viên	165	1,01
1.7	Tượng đài	100	0,63
1.8	Phòng máy phát điện	32	0,19
1.9	Trạm bơm PCCC	18	0,11
1.10	Phòng chứa chất thải	45	0,28
	<i>Chất thải sinh hoạt</i>	<i>15</i>	
	<i>Chất thải tái chế</i>	<i>10</i>	
	<i>Chất thải y tế thông thường</i>	<i>10</i>	
	<i>Chất thải y tế nguy hại</i>	<i>10</i>	
1.11	Khu xử lý nước thải sơ bộ (xây ngầm)	120	-





2	Đất cây xanh	3.166	20,00
3	Diện tích đường giao thông nội bộ, sân bãi	7.424,7	46,9
Tổng cộng		15.830	100

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 25. tháng 04. năm 2024 đến ngày 25. tháng 04. năm 2034).



**Điều 4.** Giao phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thủ Dầu Một tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;
- Chủ tịch UBND TP.TDM; PCT UBND TP.TDM (Võ Chí Thành);
- Văn phòng HĐND-UBND TP.TDM;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường TP.TDM;
- UBND phường Hoà Phú;
- Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử TP.TDM;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
**Võ Chí Thành**





## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 16/GPMT-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2024 của UBND thành phố Thủ Dầu Một)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ THẢI NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý của Dự án được thu gom, đầu nối vào mạng lưới thu gom nước thải đô thị thuộc Nhà máy xử lý nước thải đô thị của thành phố Thủ Dầu Một – Chi nhánh nước thải Thủ Dầu Một).

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về trạm xử lý nước thải

1.1.1 Nguồn phát sinh nước thải: tổng lưu lượng phát sinh khoảng 41,4 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của bệnh nhân lưu trú, người đến khám chữa bệnh, thân nhân, nhân viên y tế khoảng 37,8 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải từ phòng bếp khoảng 1,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải từ phòng giặt khoảng 1,0 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nguồn số 04: Nước thải y tế từ các nguồn khác như vệ sinh dụng cụ y tế, vệ sinh tại các bồn rửa, lavabo, vệ sinh sàn của các phòng chức năng, khoảng 1,1 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

### 1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của bệnh nhân lưu trú, người đến khám chữa bệnh, thân nhân, nhân viên y tế được thu gom bằng đường ống uPCV DN50, DN125 xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn, sau đó đầu nối vào đường ống uPVC DN200 (mm) và dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của dự án.

- Nguồn số 02: Nước thải từ phòng bếp được thu gom bằng đường ống uPVC DN50, DN100 xử lý sơ bộ tại bể tách dầu mỡ, sau đó đầu nối vào đường ống uPVC DN200 (mm) và dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của dự án.

- Nguồn số 03: Nước thải từ phòng giặt theo ống uPCV DN50, DN125 đầu nối vào đường ống uPCV DN200 (mm) và dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của dự án.





- Nguồn số 04: Nước thải y tế từ các nguồn khác như vệ sinh dụng cụ y tế, vệ sinh tại các bồn rửa, lavabo, vệ sinh sàn của các phòng chức năng theo các ống uPVC D50, D125 đầu nối vào đường ống uPVC DN150, DN200 (mm) và dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 50m<sup>3</sup>/ngày.đêm của dự án.

- Toàn bộ nước thải sau hệ thống xử lý đầu nối về hồ ga hiện hữu DH8.R4 trên đường DH8 và thoát vào mạng lưới thu gom nước thải đô thị thuộc Nhà máy xử lý nước thải đô thị của thành phố Thủ Dầu Một – Chi nhánh nước thải Thủ Dầu Một. Tọa độ địa lý: X = 1225045; Y = 600692 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).

## **1.2. Công trình, thiết bị xử lý**

- Tóm tắt quy trình:

Nước thải đen (sau bể tự hoại) + Nước thải phòng bếp (sau bể tách dầu mỡ) + Nước thải từ các nguồn khác → Bể thu gom → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hồ ga hiện hữu DH8.R4 trên đường DH8 → thoát vào mạng lưới thu gom nước thải đô thị thuộc Nhà máy xử lý nước thải đô thị của thành phố Thủ Dầu Một – Chi nhánh nước thải Thủ Dầu Một.

Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải: 50 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

Chế độ vận hành: liên tục 24/ngày.đêm

Hóa chất sử dụng: NaOH, HCl, mật rỉ, Clorine.

## **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

## **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố**

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ để tránh các sự cố xảy ra.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, hút hầm định kỳ. Đồng thời thông ống dẫn khí để hạn chế mùi hôi phát sinh.

- Khi tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn làm cho phân, nước tiểu không thoát được thì lập tức thực hiện thông bồn cầu và đường ống dẫn.

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành và bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Đảm bảo nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải có đủ năng lực vận hành và xử lý khi có sự cố xảy ra.;

- Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm





định lượng. Trong trường hợp sự cố thiết bị, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép trước khi xả thải, đóng van xả thải sau xử lý ra môi trường và ngưng hoạt động sản xuất tại các công đoạn có phát sinh nước thải. Kiểm tra tình trạng hoạt động của các bể xử lý để tìm nguyên nhân và khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường theo quy định trước khi đầu nối vào mạng lưới thu gom nước thải đô thị thuộc Nhà máy xử lý nước thải đô thị của thành phố Thủ Dầu Một – Chi nhánh nước thải Thủ Dầu Một.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

**2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:** 03 tháng (bắt đầu kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực).

### 2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào: 01 vị trí tại bể tiếp nhận của công trình xử lý nước thải công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

- Nước thải đầu ra (sau xử lý): nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày.đêm tại hố ga đầu nối nước thải có tọa độ X = 1225045; Y = 600692 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).

#### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 28:2010/BTNMT, Cột A (k=1,2)
1	pH	-	6,5 – 8,5
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	36
3	COD	mg/l	60
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60
5	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	mg/l	6
6	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	mg/l	36
7	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )	mg/l	7,2
8	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1,2
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12



10	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,12
11	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1,2
12	Tổng coliforms	MPN/100ml	3.000
13	Salmonella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH
14	Shigella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100ml	KPH

Theo QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, hệ số K = 1,2 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của mạng lưới thu gom nước thải đô thị thuộc Nhà máy xử lý nước thải đô thị của thành phố Thủ Dầu Một – Chi nhánh nước thải Thủ Dầu Một.

3.2. Tổng Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kì thông số nào không đạt quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi UBND thành phố trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.7. Thực hiện đúng quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.





## Phụ lục 2

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-UBND ngày...tháng...năm 2024 của UBND thành phố Thủ Dầu Một)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

**1. Nguồn phát sinh khí thải:** Khí thải (mùi hôi) phát sinh của hệ thống xử lý nước thải

#### 2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

**2.1. Vị trí xả khí thải:** Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1225050; Y = 600708 : (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°)

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:** dòng khí thải với lưu lượng 200 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục 24/24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, K<sub>p</sub> = 1,0 và K<sub>v</sub> = 0,8) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Hydro sunphua (H <sub>2</sub> S)	mg/Nm <sup>3</sup>	6 <sup>(1)</sup>
2	Amoniac (NH <sub>3</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	40 <sup>(1)</sup>
3	Metyl mercaptan (CH <sub>3</sub> SH)	mg/Nm <sup>3</sup>	15 <sup>(2)</sup>

Ghi chú:

- <sup>(1)</sup>: Giá trị giới hạn theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với hệ số K<sub>p</sub> = 1,0 và K<sub>v</sub> = 0,8)
- <sup>(2)</sup>: Giá trị giới hạn theo QCVN 20:2009/BTNMT.

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

#### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:



- Nguồn thải: khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom về hệ thống xử lý khí thải (mùi) để xử lý.

## **1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải từ trạm xử lý nước thải → Ống dẫn → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Ống thải → Môi trường không khí.

- Công suất thiết kế: 200 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A của Phụ lục này).

**1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:** không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật theo dõi quá trình vận hành của hệ thống xử lý khí thải, đảm bảo tuân thủ đúng quy định vận hành. Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý khí thải; chuẩn bị thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng; có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với các hệ thống.

- Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này thì phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Báo ngay cho cơ quan chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải (mùi) của hệ thống xử lý nước thải, công suất 200 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. *Vị trí lấy mẫu:* tại ống thải của hệ thống xử lý khí thải (mùi) của hệ thống xử lý nước thải theo vị trí được cấp phép tại phần A phụ lục này.

2.2.2. *Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:* Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng





khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải (mùi) theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. *Tần suất lấy mẫu*: thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp: 01 ngày lấy mẫu 01 lần; 03 mẫu đơn khí thải đầu ra của hệ thống xử lý khí thải.

### **3. Các yêu cầu bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 5, 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi UBND thành phố Thủ Dầu Một trong thời hạn 10 ngày trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.5. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sản công tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.6. Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.7. Thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06/07/2023 của UBND tỉnh Bình Dương về việc Ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các văn bản khác có liên quan



### Phụ lục 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 16/GPMT-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2024 của UBND thành phố Thủ Dầu Một)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực đặt máy phát điện.
- Nguồn số 02: khu vực hệ thống xử lý nước thải.

#### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn và độ rung

- Nguồn số 01, toạ độ: X = 1225072; Y= 600792
- Nguồn số 02: Toạ độ: X = 1225052; Y= 600705

(Hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

3. Tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

#### 3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

#### 3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Bố trí khoảng cách các máy móc thiết bị hợp lý; thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Lắp đặt các đế cao su ở chân máy móc thiết bị nhằm giảm độ rung; định kỳ kiểm tra độ cân bằng của máy, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn, thay thế dầu bôi trơn





- Máy phát điện sử dụng nhiên liệu dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp (0,05%). Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy phát điện.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.3. Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.



**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 16/GPMT-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2024  
của UBND thành phố Thủ Dầu Một)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	Rắn	10.155
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	Lỏng	120
3	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	13 01 03	Rắn/ Lỏng	100
4	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế, huyết áp kế)	13 03 02	Rắn	150
5	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Rắn	25
6	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	40
7	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 01	Rắn	200
8	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	Rắn	90
9	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	Rắn	150
10	Giẻ lau, găng tay thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	250
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>11.280</b>





### 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 10	1.089
2	Dầu mỡ thải từ bể tách mỡ	12 06 11	350
3	Chất thải y tế không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm	13 01 05	34.741
4	Hóa chất thải y tế không có thành phần nguy hại	13 01 06	6.880
5	Dược phẩm không có thành phần gây độc tế bào thải	13 01 07	2.060
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>45.120</b>

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Khi dự án đi vào hoạt động, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại phòng khám bao gồm: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý với khối lượng khoảng 79.200 kg/năm.

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Trang bị thùng chứa loại 7 lít - 12 lít - 15 lít, hộp đựng kim tiêm có nắp đậy kín, lót túi bên trong, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại tại các phòng chức năng.

- Trang bị thùng chứa loại 30 lít - 60 lít có nắp đậy kín, lót túi bên trong, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại, bố trí tại kho chứa chất thải y tế nguy hại.

#### 2.1.2. Phòng lưu chứa:

- Phòng lưu chứa: có diện tích 10 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của phòng: phòng chứa có kết cấu tường, có nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn chất thải, có bố trí rãnh thu gom, có mái che, có cửa khóa, gắn biển dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

#### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa:





- Trang bị thùng chứa loại 15 lít, có nắp đậy kín, lót túi bên trong, dán nhãn lưu chứa từng loại chất thải tại các phòng chức năng.

- Trang bị thùng loại 30 lít - 60 lít bố trí tại khu lưu chứa chất thải y tế thông thường.

#### *2.2.2. Phòng lưu chứa:*

- Phòng lưu chứa : có diện tích 10 m<sup>2</sup>

- Phòng chứa có kết cấu tường, có nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn chất thải, có bố trí rãnh thu gom, có mái che, có cửa khóa, gắn biển dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

#### *2.3.1. Thiết bị lưu chứa:*

- Trang bị thùng chứa loại 7 lít - 25 lít - 80 lít có nắp đậy kín, lót túi bên trong, dán nhãn để phân biệt loại chất thải.

- Trang bị thùng loại 240 lít bố trí tại khu lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

#### *2.3.2. Phòng lưu chứa:*

- Phòng lưu chứa chất thải sinh hoạt không tái chế: có diện tích 15 m<sup>2</sup>, Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kết cấu tường, có mái che, nền bê tông, phòng chứa chất thải được gắn biển báo, cửa khóa.

- Phòng lưu chứa chất thải sinh hoạt không tái chế: có diện tích 10 m<sup>2</sup>, Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kết cấu tường, có mái che, nền bê tông, phòng chứa chất thải được gắn biển báo, cửa khóa.

### **2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải y tế nguy hại, chất thải y tế thông thường và chất thải rắn sinh hoạt**

- Quản lý chất thải y tế theo đúng quy định có liên quan đến phân loại, thu gom, lưu giữ, khu vực lưu giữ chất thải theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và theo quy định tại mục 3 của Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023.

- Tại các khu vực phát sinh chất thải trong trạm y tế bố trí các thùng chứa và bảng hướng dẫn cách phân loại, để hướng dẫn nhân viên y tế và bệnh nhân, người đến khám chữa bệnh có thể thải bỏ vào các thùng chứa theo đúng quy định.

- Chất thải phát sinh trong trạm y tế được phân loại ngay tại nguồn, tại văn phòng, các phòng chức năng. Trang bị bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa các loại chất thải (dán nhãn theo từng loại) và bố trí tại các vị trí phù hợp trong mỗi phòng, khu vực phát sinh; vận chuyển đến kho lưu chứa chung.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại, chất thải y tế thông thường và chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

- Các thiết bị, công trình, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại, chất thải





y tế thông thường và chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại, chất thải y tế thông thường và chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

- Các thiết bị, công trình, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại, chất thải y tế thông thường và chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo cơ quan chức năng nơi xảy ra sự cố để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.



## Phụ lục 5

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2024 của UBND thành phố Thủ Dầu Một)

1. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động.
3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
4. Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ đối với cán bộ, nhân viên làm việc của dự án.
7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế theo đúng quy định của pháp luật.
9. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. /f

